

Số: **6803** /PA-UBND

Quảng, Trị, ngày **22** tháng 12 năm 2023

PHƯƠNG ÁN
Tổ chức sản xuất nông nghiệp đảm bảo mục tiêu
tăng trưởng trong năm 2024

Thực hiện Kết luận số 497-KL/TU ngày 29/11/2023 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 7/12/2023 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó đề ra mục tiêu năm 2024, tốc độ tăng trưởng nông - lâm - thủy sản đạt 2,5-3%;

Năm 2024 là năm tăng tốc bứt phá để hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025; trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng dự báo sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trước những ảnh hưởng bất lợi do tình hình kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn làm giá cả nhiên, nguyên liệu đầu vào tăng cao; thiên tai dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi diễn biến khó lường trong đó nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn có thể xảy ra trên diện rộng, dịch tả lợn Châu Phi bùng phát và có nguy cơ lây lan mạnh; bên cạnh đó diện tích đất cho sản xuất nông nghiệp ngày càng thu hẹp để nhường chỗ cho các dự án phát triển kinh tế xã hội.

Trong bối cảnh đó, để có những giải pháp đồng bộ, quyết liệt, cụ thể, huy động sự vào cuộc tích cực, mạnh mẽ của các sở ngành, đặc biệt là các địa phương nhằm chỉ đạo tổ chức sản xuất hiệu quả, thích ứng với bối cảnh được dự báo hết sức khó khăn nêu trên để thực hiện đạt mục tiêu đề ra; UBND tỉnh ban hành Phương án “**Tổ chức sản xuất nông nghiệp đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong năm 2024**” với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Nông nghiệp tiếp tục được xác định là bộ đỡ của nền kinh tế tỉnh nhà. Tập trung huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành, các địa phương để chủ động, quyết liệt, linh hoạt triển khai hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế tỉnh nhà trong năm 2024 và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra, hướng đến nền nông nghiệp sinh thái, bền vững gắn với tăng trưởng xanh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững trên cơ sở huy động, lồng ghép các nguồn lực, tập trung chỉ đạo toàn diện các giải pháp tái cơ cấu trên các lĩnh vực của ngành nông nghiệp. Tập trung đổi mới phương thức tổ chức sản xuất từ

sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; Chú trọng thu hút doanh nghiệp liên doanh, liên kết đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, đạt các tiêu chuẩn chất lượng. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông nghiệp. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, du địa đối với các lĩnh vực nhằm đảm bảo giá trị tăng trưởng nông, lâm, thủy sản trong năm 2024 đạt 2,5-3%.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

+ Diện tích lúa: 48.800 ha; Lạc: 3.500 ha; Sắn: 10.500 ha; Ngô: 4.500 ha; Rau màu các loại: 5.000 ha.

+ Sản lượng cây lương thực có hạt đạt trên 28 vạn tấn; diện tích lúa sản xuất theo hướng cánh đồng lớn trên 11.000 ha, trong đó có trên 1.000 ha được liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm; 1.000 ha sản xuất theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên; Có trên 500 ha sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, canh tác tự nhiên; Diện tích lúa chất lượng cao đạt trên 80% diện tích gieo cấy.

+ Chuyển đổi hơn 200 ha đất lúa thiếu nước, hiệu quả kinh tế thấp sang sản xuất cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao hơn;

+ Trồng mới và phục hồi cây công nghiệp dài ngày trên 200 ha; Trồng mới trên 30 ha cây ăn quả và phát triển mới trên 40 ha cây dược liệu;

+ Đảm bảo thiệt hại do sâu bệnh gây ra trên các cây trồng chính dưới 5% sản lượng;

+ Đẩy mạnh ứng dụng thiết bị không người lái vào chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng đạt trên 10.000 ha.

(Phân bổ chỉ tiêu lĩnh vực trồng trọt cho các địa phương tại phụ lục 1)

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Tổng đàn vật nuôi: Tổng đàn trâu 21.500 con; đàn bò 62.700 con; đàn lợn 250.000 con; đàn gia cầm 4.000.000 con;

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2024 đạt 60.500 tấn.

- Sản lượng trứng các loại: 50 triệu quả;

- Tỷ lệ bò lai Zebu đạt trên 72%.

(Phân bổ chỉ tiêu lĩnh vực chăn nuôi cho các địa phương tại phụ lục 2)

2.3. Lĩnh vực thủy sản

- Tổng sản lượng thủy sản: 36.750 tấn, trong đó: khai thác: 27.250 tấn và nuôi trồng: 9.500 tấn.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 3.600 ha, trong đó: nuôi thủy sản mặn lợ đạt 1.350 ha; nuôi thủy sản nước ngọt đạt 2.250 ha.

(Phân bổ chỉ tiêu lĩnh vực thủy sản cho các địa phương tại phụ lục 3)

2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Trồng rừng tập trung 8.000 ha;
- Trồng cây phân tán 3.000.000 cây;
- Tỷ lệ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2024 đạt 49,6 - 49,7%;
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: 1.000.000 m³;
- Quản lý bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng hiện có (248.121,6 ha).

(Phân bổ chỉ tiêu lĩnh vực lâm nghiệp cho các địa phương tại phụ lục 4)

2.4. Lĩnh vực thủy lợi và nước sạch nông thôn

- Đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất theo kế hoạch, trong đó: Vụ Đông Xuân là 25.500ha lúa, 1.290 ha màu, mạ, cây công nghiệp ngắn ngày, 135 ha cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và 1.550 ha nuôi trồng thủy sản. Vụ Hè Thu là 23.200 ha lúa, 1.100 ha màu, mạ, cây công nghiệp ngắn ngày, 335 ha cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và 1.000 ha nuôi trồng thủy sản;

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch là 62,36%, sử dụng nước hợp vệ sinh là 96,74%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp – nông thôn của Trung ương, địa phương, trong đó tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả: Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 01/12/2022 của Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 01/12/2022 của Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Kết luận số 168- KL/TU ngày 4/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; Chỉ thị Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 06/6/2023 của BTV Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo đối với việc xâm lấn, xâm lấn đất rừng trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục triệt để các cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và các Nghị quyết, Kế hoạch, phương án, đề án của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trên các lĩnh vực nông nghiệp và PTNT

- Ưu tiên bố trí đảm bảo nguồn vốn từ các chính sách đã được HĐND tỉnh, HĐND các địa phương thông qua trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các các chương trình dự án, các Chương trình MTQG và các nguồn vốn hợp pháp khác., đảm bảo tập trung nguồn lực đẩy mạnh tổ chức chỉ đạo sản xuất nhằm khai thác tối đa dư địa trên tất cả các lĩnh vực; Đối với các nhiệm vụ phát sinh nguồn lực, căn cứ tính cấp bách của

nhiệm vụ, các Sở, Ngành, địa phương chủ động, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

- Căn cứ quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng huyện được phê duyệt, các địa phương sớm phê duyệt các vùng sản xuất tập trung, vùng nông nghiệp công nghệ cao làm cơ sở huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung, thu hút doanh nghiệp liên doanh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững.

- Thực hiện có hiệu quả tái nông nghiệp trên các lĩnh vực trên cơ sở khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng lợi thế của từng vùng, miền, địa phương để phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, phát triển thị trường, xây dựng chuỗi cung ứng - sản xuất - chế biến - tiêu thụ, ứng dụng công nghệ, hình thành hệ sinh thái kinh tế nông nghiệp đồng bộ, bền vững.

- Tập trung nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp đã được đánh giá có hiệu quả, đồng thời triển khai thí điểm các đối tượng cây trồng vật nuôi mới; thí điểm các mô hình nông nghiệp tích hợp đa giá trị gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, phát triển làng nghề và chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc triển khai hiệu quả nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, trọng tâm là các huyện Hướng Hóa và Đakrông.

- Tích cực, chủ động trong công tác thu hút đầu tư, mời gọi các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực sản xuất; đẩy mạnh cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị trên diện tích canh tác. Tích cực hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu nông sản Quảng Trị; hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn, mã số vùng trồng, hướng dẫn truy xuất nguồn gốc, xây dựng sản phẩm đạt chứng nhận OCOP nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế

- Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, kinh tế tập thể nhằm phát huy vai trò dẫn dắt nông dân tổ chức sản xuất và đại diện nông dân liên kết với doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; phấn đấu có 60% HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, trong đó có 20% HTX thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu lao động phục vụ tái cơ cấu ngành.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, kịp thời quyết liệt tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó đặc biệt quan tâm đối với lĩnh vực thủy sản.

- Tăng cường công tác dự báo, dự tính, thông tin tuyên truyền, nắm bắt kịp thời thị trường nông sản, chủ động trong công tác phòng trừ dịch bệnh, ứng

phó với thiên tai, hạn chế tối đa thiệt hại cho thiên tai và dịch bệnh gây ra trên địa bàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất; công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản trên địa bàn nhằm từng bước nâng cao nhận thức cho người sản xuất và kinh doanh thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật, hướng tới đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng.

2. Nhiệm vụ và giải pháp trên các lĩnh vực

a. Lĩnh vực trồng trọt

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức để tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững, chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh và biến động của giá vật tư, thị trường nông sản.

- Rà soát và điều chỉnh quy hoạch vùng sản xuất phù hợp; Khuyến khích thúc đẩy dồn ghép tích tụ ruộng đất, hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng mạnh mẽ cơ giới hóa vào sản xuất; phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị; tăng cường khuyến khích, hỗ trợ thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên các diện tích bỏ hoang những năm trước đây.

- Huy động các nguồn lực, đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu sản xuất; rà soát nhân rộng và xây dựng các mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao thích ứng với biến đổi khí hậu; thí điểm các đối tượng cây trồng mới như nấm linh chi đỏ; các loại giống mới như cà phê, sắn...

- Chủ động công tác điều tra, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng có hiệu quả;

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với Doanh nghiệp, tập trung ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh cơ giới hoá vào sản xuất, nhân rộng các mô hình có hiệu quả vào sản xuất;

- Tổ chức sản xuất thích ứng, hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu, giá cả phân bón, thuốc BVTV thiếu ổn định; Đẩy mạnh tuyên truyền việc sử dụng phân bón tiết kiệm và hiệu quả, trong đó chú trọng việc sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm vi sinh vào sản xuất nông nghiệp, khuyến khích phát triển nông nghiệp, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn nhằm hạn chế sử dụng phân hóa học... góp phần giảm chi phí sản xuất.

- Tổ chức quán triệt và tuân thủ các nội dung, yêu cầu của Kế hoạch Triển khai Khung hành động thực hiện thích ứng với Quy định xuất khẩu các hàng hóa và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của Châu Âu (EU) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

- Theo dõi chặt chẽ, chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi, đặc biệt là bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Tăng cường công tác kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển vật nuôi; Thực hiện hiệu quả công tác tiêm phòng nhằm ổn định tình hình dịch bệnh.

- Tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh công tác quy hoạch chăn nuôi, chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo hướng chất lượng cao, an toàn sinh học:

+ Đối với đàn lợn: Khuyến khích công tác tái đàn nông hộ tái đàn sau dịch tả lợn Châu Phi; Thực hiện phát triển đàn lợn theo hướng trang trại ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

+ Đối với đàn bò: Phát triển chăn nuôi bò theo hướng thâm canh quy mô trang trại đẩy mạnh phát triển các mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao BBB; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, phấn đấu đưa tỷ lệ bò lai Zebu đạt trên 72% tổng đàn bò.

+ Đối với đàn gia cầm: Phát triển theo quy mô công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và an toàn sinh học, đẩy mạnh phát triển các trang trại chăn nuôi gà theo hướng liên kết.

+ Rà soát, phát triển các loại vật nuôi đặc sản, nhằm ổn định sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, mở ra hướng đi mới cho sản xuất chăn nuôi và tận dụng được ưu thế của từng địa phương. Trong đó, khuyến khích phát triển một số giống vật nuôi theo hướng đặc sản như lợn rừng, dê, nhím, thỏ, hươu, ong... và một số mô hình chăn nuôi mới như bò câu Pháp, nuôi vịt biển, dê, dúi.

- Đẩy mạnh hợp tác liên kết với Doanh nghiệp, tập trung ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh cơ giới hoá vào sản xuất, tìm kiếm, nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả vào sản xuất;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi. Tiếp tục thực hiện tốt việc kê khai hoạt động chăn nuôi và kiểm tra đánh giá điều kiện chăn nuôi quy mô trang trại, điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất chăn nuôi.

- Rà soát chuyển đổi một phần diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi gia súc trên địa bàn.

c. Lĩnh vực thủy sản

- Tăng cường công tác chỉ đạo tổ chức sản xuất, tăng vụ thả nuôi tại các vùng nuôi tôm ít chịu ảnh hưởng của lũ lụt như vùng cát bãi ngang ven biển và một số vùng nuôi ven sông có địa hình cao, góp phần phục hồi diện tích nuôi trồng thủy sản và nâng cao sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2024.

- Tập trung đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghệ cao, nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả vào sản xuất.

- Khuyến khích, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tận dụng mặt nước trong các lòng hồ chứa, các con sông để mở rộng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản bằng hình thức nuôi lồng bè. Những vùng nuôi thấp triều hay bị dịch bệnh cần chuyển đổi đối tượng nuôi phù hợp như: nuôi xen ghép (Tôm, Cua, Cá), nuôi chuyên canh các đối tượng cá Diêu, cá Đoi, cá Nâu, cá Kinh, Cua... nhằm tận dụng tối đa diện tích mặt nước sẵn có để tăng sản lượng và giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức sản xuất đúng khung lịch thời vụ; phối hợp chặt chẽ giữa công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và giám sát dịch bệnh để dự báo chính xác và cảnh báo sớm, chuyển tải thông tin về môi trường, dịch bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng, chống dịch bệnh kịp thời tới người nuôi tôm.

- Khuyến khích ngư dân tăng cường vươn khơi, bám biển khai thác đúng mùa vụ, ngư trường; sử dụng, khai thác hiệu quả thông tin từ bản tin dự báo ngư trường, bản tin khí tượng thủy văn, thời tiết, thông tin hàng hải; đầu tư nâng cấp tàu cá, ngư lưới cụ hiện đại, trang bị các thiết bị máy móc hiện đại phục vụ khai thác nhằm nâng cao năng suất, tăng hiệu quả khai thác thủy sản, Hướng dẫn người dân hoạt động khai thác trên biển theo tổ đội sản xuất để hỗ trợ khắc phục các sự cố trên biển, chia sẻ ngư trường nguồn lợi, đồng thời triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển;

- Đẩy mạnh hoạt động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện tốt quy định chống khai thác IUU;

- Chỉ đạo các địa phương hướng dẫn người dân đẩy mạnh hoạt động dịch vụ hậu cần trên biển như: thu mua sản phẩm, cung cấp dầu, nhu yếu phẩm ngay trên biển, đảo để giảm chi phí nhiên liệu cho tàu cá khi phải về cảng để bốc dỡ sản phẩm, đồng thời tăng thời gian bám biển để tăng sản lượng đánh bắt.

- Tích cực phối hợp với các địa phương và các cơ quan liên quan hỗ trợ, hướng dẫn thúc đẩy nhanh các thủ tục cần thiết để 02 dự án đầu tư của Công ty TNHH thức ăn thủy sản Growmax và Công ty Camimex Quảng Trị được phê duyệt và sớm triển khai thực hiện.

d. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng, tình trạng xâm lấn, phá rừng làm nương rẫy. Tiếp tục tăng cường công tác PCCCR để giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng xảy ra.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp với các Tổ chức, đơn vị thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học; đẩy mạnh công tác hỗ trợ thông tin đối với các hoạt động sản xuất nhằm đáp ứng kế hoạch hành động thích ứng với quy định chống phá rừng của EU (EUDR); đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các mô hình phát triển sinh kế bền vững dưới tán rừng; nâng cao đời sống kinh tế cho người dân sống gần rừng, hạn chế tối đa việc lấn chiếm và phá rừng trên địa bàn.

- Rà soát, đề xuất và tổ chức thực hiện các chính sách đặc thù phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để thực hiện bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có; tập trung phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng, phát triển rừng kinh tế, đẩy mạnh trồng rừng thâm canh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

- Nâng cao năng lực và nhận thức cho người dân về vai trò và lợi ích trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; Đẩy

mạnh công tác sản xuất rừng trồng chất lượng cao gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

e. Lĩnh vực thủy lợi, cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn và phòng chống thiên tai

- Đối với công tác thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất

+ Áp dụng biện pháp tưới luân phiên ngay từ đầu vụ Đông Xuân, tận dụng các nguồn nước hồi quy ở các trục tiêu, ao hồ, sông suối để bơm tát phục vụ làm đất, gieo sạ và tưới vụ Đông Xuân, tích trữ nguồn nước ở các hồ chứa để phục vụ tưới khi cần thiết và cho vụ Hè Thu. Chủ động be bờ giữ nước trong ruộng trước lúc vào vụ sản xuất, tích nước ở các bầu, ao, đầm, chủ động khoanh vùng đặt máy bơm đã chiến hồ trợ khi cần thiết.

+ Quản lý chặt chẽ các cống ngăn mặn, không để mặn xâm nhập nội đồng làm ô nhiễm nguồn nước.

+ Tăng cường kiểm tra để đảm bảo an toàn tuyệt đối các hồ chứa, sửa chữa các cửa cống, cửa tràn đảm bảo kín nước để tiết kiệm nước phục vụ sản xuất;

+ Thường xuyên tổ chức ra quân làm thủy lợi: Tu bổ, nạo vét, vệ sinh kênh mương từ các trục kênh chính đến tận các tuyến kênh mương nội đồng, luôn đảm bảo thông dòng chảy, giảm tổn thất nước, nâng cao khả năng dẫn nước, giảm thời gian tưới;

+ Thực hiện bố trí cơ cấu mùa, vụ gieo trồng phù hợp, ưu tiên sử dụng các giống cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn giống chịu hạn, hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng kế hoạch điều tiết nước theo vùng, liên vùng, cấp nước luân phiên vào các giai đoạn cần thiết của cây lúa; đảm bảo đủ nước tưới, nhất là giai đoạn làm đòng, trổ bông.

- Đối với công tác cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn

+ Tập trung làm vệ sinh nguồn nước phía thượng lưu, kiểm tra, sửa chữa, thay thế các đoạn tuyến ống dẫn nước (nếu hư hỏng), khơi thông dòng chảy đến trạm bơm cấp I. Sử dụng phương án xử lý nước mặt từ các công trình thủy lợi như: hồ chứa, kênh mương có trên địa bàn, mua sắm các thiết bị máy móc, hoá chất để xử lý phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân.

+ Hỗ trợ giếng khoan, bồn chứa nước loại 3m³ ở các xã vùng vùng sâu, vùng xa có nguy cơ thiếu nước ở 02 huyện Hướng Hóa và Đakrông.

+ Tận dụng các nguồn nước có sẵn trong tự nhiên. Tập trung nạo vét, khơi thông dòng chảy tại các khe, suối; nạo vét các ao hồ và đào ao tích nước cho gia súc. Chủ động dự trữ tích nước tại các hộ gia đình, các trang trại, gia trại để đảm bảo sản xuất chăn nuôi. Đối với các vùng chăn nuôi khô hạn, xa nguồn nước cần chủ động xây dựng kế hoạch vận chuyển nước từ nơi khác đến để phục vụ sản xuất. Đồng thời, thực hiện phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng đàn gia súc, gia cầm tiết kiệm nước trong điều kiện khô hạn theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.

- Đối với công tác phòng chống thiên tai: Kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo xây dựng, rà soát, cập nhật kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó thiên tai; tăng

cường công tác diễn tập, nâng cao năng lực ứng phó trong công tác PCTT & TKCN đối với chính quyền cơ sở, lực lượng chuyên trách và cộng đồng dân cư;

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Nghiên cứu tham mưu xây dựng Đề án/kế hoạch ứng dụng và phát triển giống chất lượng cao trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2024 – 2025, định hướng 2030.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành, chủ động kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Phương án theo đúng quy định.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Phương án; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh đột xuất, định kỳ 6 tháng và cả năm.

2. Các sở, ban ngành liên quan

- **Sở Tài chính:** Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu Quốc gia và các dự án khác, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện kế hoạch theo quy định.

- **Sở Khoa học và Công nghệ:** Tiếp tục phối hợp với ngành Nông nghiệp và PTNT đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm giúp người dân tiếp cận và áp dụng vào sản xuất có hiệu quả; Hỗ trợ chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm đặc sản của địa phương.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Tài chính, cân đối tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các Chương trình MTQG, các Dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh để góp phần thực hiện Phương án đảm bảo hiệu quả. Phối hợp với các sở ngành hỗ trợ, hướng dẫn các thủ tục đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Rà soát, đôn đốc các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp triển khai đúng tiến độ.

- **Sở Công Thương:** Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản của tỉnh, kêu gọi các Doanh nghiệp liên doanh liên kết bao tiêu sản phẩm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn. Dự tính, dự báo kịp thời thông tin thị trường đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- **Sở Thông tin Truyền thông:** Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục kịp thời và chính xác thông tin về diễn biến thiên tai, dịch bệnh, thị trường nông sản trong nước và quốc tế; Thông tin về các mô hình sản xuất hiệu quả, mô hình mới, nhằm quảng bá và giới thiệu sản phẩm ra thị trường trong và ngoài nước.

- **Đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh:** Phối hợp, hướng dẫn các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước các hoạt động phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất có chứng nhận theo các tiêu chuẩn bền vững... góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm cũng như thu nhập cho người sản xuất trên địa bàn.

- **Đề nghị các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội tỉnh:** Tích cực triển khai các chương trình cho vay phát triển sản xuất đối với nông nghiệp, nông thôn; tăng cường công tác hướng dẫn, tuyên truyền tạo điều kiện tối đa cho người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác được tiếp cận các chính sách cho vay.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Phương án, đảm bảo các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao để góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm, thủy sản trong năm 2024.

- Chỉ đạo tổ chức sản xuất, tuân thủ các khuyến nghị của ngành, đặc biệt là công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; dồn ghép tích tụ ruộng đất; tuân thủ lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng, lịch tiêm phòng cho động vật trên địa bàn, hạn chế tối đa những tác động của thiên tai, dịch bệnh đến công tác sản xuất; Huy động lồng ghép các nguồn lực mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm lợi thế của địa phương đối với những vùng, diện tích đảm bảo điều kiện.

- Bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển sản xuất trên địa bàn đảm bảo theo quy định; Tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ các Doanh nghiệp liên kết sản xuất với các HTX, THT, nhóm hộ trên địa bàn.

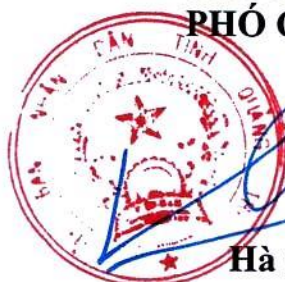
- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trên địa bàn huyện (*Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế, Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Khuyến Nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật...*) hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi và thủy sản, xây dựng kế hoạch, các phương án ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, đồng thời theo dõi chỉ đạo, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để tháo gỡ giúp nông dân tổ chức sản xuất tốt, đạt hiệu quả cao.

Trên đây là Phương án "**Tổ chức sản xuất nông nghiệp đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong năm 2024**". Yêu cầu các sở, ngành và các địa phương khẩn trương chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng



Phụ lục 1: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT NĂM 2024
(Kèm theo Phương án số: 6803/PA-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Toàn tỉnh	TP. Đồng Hà	TX. Quảng Trị	Vĩnh Linh	Gio Linh	Cam Lộ	Triệu Phong	Hải Lăng	Đakrông	Hướng Hoá
A	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ											
1	Diện tích		53.300	1.850	590	7.450	7.950	3.400	11.850	13.920	3.590	2.700
2	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	280.000	9.350	2.944	39.830	43.484	17.333	67.150	82.328	9.775	7.806
Trong đó												
	Diện tích	Ha	48.800	1.850	510	6.950	7.800	3.170	11.500	13.420	1.600	2.000
Lúa	Năng suất	tạ/ha										
	Sản lượng. Trong đó:	Tấn	267.272	9.350	2.664	38.180	42.974	16.551	65.925	80.828	4.800	6.000
Lúa chất lượng cao	Diện tích	Ha	39.350	1.600	450	6.500	6.800	2.500	10.000	11.500		
	Năng suất	tạ/ha		50	52	55	55	52	57	60	23	23
	Sản lượng	Tấn	222.490	8.000	2.340	35.750	37.400	13.000	57.000	69.000	-	-
Lúa hữu cơ, Canh tác tự nhiên,	Diện tích	Ha	670			200	130		150	190		
	Năng suất	tạ/ha				54	54		55	58		

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Toàn tỉnh	TP. Đông Hà	TX. Quảng Trị	Vĩnh Linh	Gio Linh	Cam Lộ	Triệu Phong	Hải Lăng	Đakrông	Hướng Hoá
<i>Việt Gap</i>	<i>Sản lượng</i>	Tấn	3.709			1.080	702	-	825	1.102	-	-
<i>Lúa thường</i>	<i>Diện tích</i>	Ha		250	60	250	870	670	1.350	1.730	1.600	2.000
	<i>Năng suất</i>	tạ/ha		54	54	54	56	53	60	62	30	30
	<i>Sản lượng</i>	Tấn		1.350	324	1.350	4.872	3.551	8.100	10.726	4.800	6.000
Ngô	<i>Diện tích</i>	Ha	4.500	5	85	520	150	240	350	500	2.050	600
	<i>Năng suất</i>				50	45	34	25	40	32	23	20
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	12.728		425	2.340	510	600	1.400	1.600	4.715	1.138
3	Tái canh, trồng mới cây công nghiệp dài ngày.	Ha	200			40	20	10				130
4	Khuyến khích mở rộng tổ chức sản xuất các vùng đảm bảo điều kiện thường xuyên bị bỏ hoang trong vụ Hè Thu	Ha	207,1				95,0	3,0	26,0		83,09	

Phụ lục 2a: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU LĨNH VỰC CHĂN NUÔI NĂM 2024
(Kèm theo Phương án số: 6803/PA-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Đơn vị	Đàn trâu	Đàn bò	Đàn lợn	Đàn Gia cầm
1	Vĩnh Linh	4.200	12.200	65.500	1.100.000
2	Gio Linh	2.500	8.000	25.000	450.000
3	TP. Đông Hà	200	1.000	3.700	60.000
4	Triệu Phong	1.300	8.000	37.000	900.000
5	TX. Quảng Trị	500	800	1.500	70.000
6	Hải Lăng	1.100	4.100	38.900	620.000
7	Cam Lộ	1.000	5.500	35.000	500.000
8	Đakrông	6.500	7.600	5.200	100.000
9	Hương Hoá	4.200	15.500	38.200	200.000
Toàn tỉnh:		21.500	62.700	250.000	4.000.000

Phụ lục 2b: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CÔNG TÁC TIÊM PHÒNG NĂM 2024
(Kèm theo Phương án số: 6803/PA-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị	ĐÀN TRẮNG BÓ						ĐÀN LỚN					ĐÀN GIA CẨM		
	TỔNG ĐÀN (con)	Số lượng GS trong diện tiêm (80%TD)	Số lượng vắc xin (liều)				TỔNG ĐÀN (con)	Số lượng GS trong diện tiêm (80%TD)	Số lượng vắc xin Dịch tả+THT+PTH(liều)			TỔNG ĐÀN (con)	Số lượng GC trong diện tiêm (80%TD)	Số lượng vắc xin CGC (liều)
			Vắc xin LMLM		Vắc xin viêm da nổi cục (liều)	Cả năm			vụ Xuân	vụ Thu				
			Cả năm	vụ Xuân										
Vĩnh Linh	16.180	10.300	20.600	10.300	10.300	10.300	70.000	56.000	112.000	56.000	56.000	1.000.000	800.000	800.000
Gio Linh	10.700	8.650	17.300	8.650	8.650	8.650	27.000	21.600	43.200	21.600	21.600	450.000	360.000	360.000
TP. Đông Hà	1.200	950	1.900	950	950	950	3.700	2.960	5.920	2.960	2.960	60.000	48.000	48.000
Triệu Phong	7.520	6.000	12.000	6.000	6.000	6.000	37.000	29.600	59.200	29.600	29.600	932.000	745.600	745.600
TX. Quảng Trị	1.250	850	1.700	850	850	850	4.000	3.200	6.400	3.200	3.200	100.000	80.000	80.000
Hải Lăng	5.850	4.700	9.400	4.700	4.700	4.700	32.000	25.600	51.200	25.600	25.600	580.000	464.000	464.000
Cam Lộ	7.050	5.000	10.000	5.000	5.000	5.000	27.500	22.000	44.000	22.000	22.000	550.000	440.000	440.000
Đakrông	13.100	10.100	20.200	10.100	10.100	10.100	4.700	3.760	7.520	3.760	3.760	168.000	134.400	134.400
Hướng Hoá	19.500	15.250	30.500	15.250	15.250	15.250	34.100	27.280	54.560	27.280	27.280	260.000	208.000	208.000
Cộng	82.350	61.800	123.600	61.800	61.800	61.800	240.000	192.000	384.000	192.000	192.000	4.100.000	3.280.000	3.280.000

Phụ lục 3: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NĂM 2024
(Kèm theo Phương án số: 6803/PA-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng tỉnh	Đông Hà	TX Quảng Trị	Vĩnh Linh	Gio Linh	Cam Lộ	Triệu Phong	Hải Lăng	Đakrông	Hướng hóa
1	Tổng sản lượng Thủy sản	Tấn	36.750	450	335	6.150	16.269	335	6.380	6.670	65	96
1.1	Sản lượng khai thác	Tấn	27.250	150	125	3.900	15.019	5	3.500	4.500	50	1
1.2	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	9.500	300	210	2.250	1.250	330	2.880	2.170	15	95

Phụ lục 4: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP NĂM 2024
(Kèm theo Phương án số: 6803/PA-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)



TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Toàn tỉnh	Còn cò	Đông Hà	TX Quảng Trị	Vĩnh Linh	Gio Linh	Cam Lộ	Triệu Phong	Hải Lăng	Đakrông	Hướng Hoá
1	Trồng rừng tập trung	Ha	8.000		50	200	1.450	900	1.200	1.200	1.700	800	500
2	Trồng cây phân tán	cây	3.000.000		25.000	15.000	420.000	420.000	370.000	420.000	420.000	460.000	450.000
3	Khai thác gỗ rừng trồng	m ³	1.000.000		7.000	20.000	200.000	110.000	150.000	160.000	230.000	73.000	50.000
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	49,6-49,7	51,07	18,21	58,42	48,6	38,67	50,6	38,02	42,09	65,29	44,7